

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-03-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Kim Hưng**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**.

2. Bà **Thái Ánh Trinh**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông **Đặng Minh Thiện** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị Cẩm T**, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường L, quận N, thành phố C.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Hữu N**, sinh năm 1983 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường L, quận N, thành phố C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị Cẩm T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Qua mai mối bà và ông Trần Hữu N tiến đến hôn nhân vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N (nay là phường L, quận N) theo số đăng ký 22 ngày 23/01/2008. Ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 09/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân từ khi ông N bị tai nạn giao thông thì chỉ có bà đi làm tạo

thu nhập nhưng ông N đã không thương mà còn thường xuyên kiểm chuyện chữ bà. Đến khoảng giữa tháng 09/2021, bà và ông N ly thân cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông N và không thể tiếp tục chung sống với ông nên bà yêu cầu ly hôn.

\* Bị đơn ông Trần Hữu N trình bày: Về hôn nhân ông thống nhất ý kiến trình bày của bà T về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông thừa nhận vợ chồng có xảy ra cự cãi vào khoảng tháng 9/2021 nhưng do bà T đi nhậu với người khác và bị nhiễm covid-19 phải thực hiện cách ly hơn 01 tháng, sau khi hoàn thành cách ly bà T lại tiếp tục đi nhậu không chăm lo gia đình, trong khi đó ông bị tai nạn giao thông phải nằm một chỗ nên ông có la mắng bà T một vài câu thì bà T bỏ nhà đi cho đến nay. Nay qua yêu cầu ly hôn của bà T, ông đồng ý. Ngoài ra, do sức khỏe không tốt nên ông yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia tố tụng.

Về con chung: Ông bà thống nhất xác định có 02 con chung tên Trần Thị Thùy T (nữ), sinh ngày 22/12/2007 và Trần Đức T (nam), sinh ngày 14/02/2015. Từ khi vợ chồng ly thân tuy các con sống bên nội nhưng do bà T chăm sóc, vì ông N bị tai nạn không thể chăm lo cho con. Tại phiên tòa, bà T khai nhận hiện các con đang sống với bà. Khi ly hôn ông bà thống nhất giao cả hai con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung ông bà xác định không có. Ngoài ra, tại phiên tòa bà T tự nguyện nộp thay phần án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho ông N.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về hôn nhân công nhận bà Đỗ Thị Cẩm T và ông Trần Hữu N thuận tình ly hôn. Về con chung có 02 con chung tên Trần Thị Thùy T, sinh ngày 22/12/2007 và Trần Đức T, sinh ngày 14/02/2015; giao cả hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung ông bà xác định không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn ông Trần Hữu N yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét quan hệ hôn nhân của bà Đỗ Thị Cẩm T và ông Trần Hữu N là tự nguyện. Ông bà tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình

chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bà T có đơn khởi kiện ly hôn đối với ông N nên Tòa án thụ lý xem xét, giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn, ông bà đều thống nhất từ khi ông N bị tai nạn giao thông thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng không thấu hiểu cho nhau nên mâu thuẫn không khắc phục. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông N, không thể sống với ông và ông N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nay bà T, ông N thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận cho bà Đỗ Thị Cẩm T và ông Trần Hữu N thuận tình ly hôn.

[4] *Về con chung*: Ông bà có hai con chung tên Trần Thị Thùy T (nữ), sinh ngày 22/12/2007 và Trần Đức T (nam), sinh ngày 14/02/2015. Xét hiện nay việc chăm sóc con do bà T thực hiện và các con có nguyện vọng được sống với mẹ, ông N cũng đồng ý với nguyện vọng của con. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao con cho bà T trực tiếp nuôi con là phù hợp. Ngoài ra, xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên người được quyền yêu cầu cấp dưỡng không yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không buộc ông N phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông N, bà T xác định không có nên không đặt vấn đề giải quyết. Về nợ chung nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện việc bà T chịu toàn bộ án phí theo quy định.

[7] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **\* Tuyên án:**

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị Cẩm T và ông Trần Hữu N.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Trần Thị Thùy T (nữ), sinh ngày 22/12/2007 và Trần Đức T (nam), sinh ngày 14/02/2015. Giao cả hai con chung Trần Thị Thùy T và Trần Đức T cho bà Đỗ Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng; ông Trần Hữu N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông N không ai được quyền ngăn cản. Ông N, bà T được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Cẩm T phải chịu tiền án phí là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 0004167 ngày 26/01/2022 được chuyển thành án phí. Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- UBND phường L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

**Hoàng Thị Kim Hưng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Tuấn**

**Thái Ánh Trinh**

**Hoàng Thị Kim Hưng**